| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH THUẬN**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **24**/2024/DS-ST
Ngày: 04-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trịnh Tài Mon

2. Ông Võ Thanh Liêm

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 03/4/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đại V**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BM, xã BM, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông **Phạm Thành K**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BM, xã BM, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Phạm Kiều T**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BM, xã BM, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

3.2. Bà **Ngô Thị P**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BM, xã VBB, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2023; biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2024 nguyên đơn ông **Nguyễn Đại V** trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 07/02/2022 ông Phạm Thành K có thuê xe cuốc của ông là xe 05 với giá 36.000.000 đồng/tháng, thời gian đầu ông K làm 02 tháng 20 ngày tính ra tiền ông K còn nợ là 96.000.000 đồng, ngày trả xe cuốc là ngày 27/5/2022.

Ngày 12/02/2023 ông K tiếp tục thuê xe cuốc của ông làm nữa và hứa trả luôn tiền củ nên ông mới cho ông K lấy xe đi làm.

Đến ngày 12/4/2023 thì ông K trả xe. Lần thuê này ông K thiếu thêm 25.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần ông K thiếu là 121.000.000 đồng. Ông đòi nhiều lần nhưng ông K không trả, đến ngày 29/9/2023 ông K thế chấp chiếc xe cuốc 03 hiệu EX-1 cho ông và hẹn 01 tháng sau sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay yêu cầu ông K phải trả cho ông số tiền 121.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng; phần 96.000.000 đồng tính từ ngày 27/5//2022 đến ngày 17/11/2023 là 17 tháng 20 ngày (tính trong 17 tháng) bằng số tiền 16.320.000 đồng; phần 25.000.000 đồng tính từ ngày 12/4/2023 đến ngày 17/11/2023 là 07 tháng 15 ngày (tính tròn 07 tháng) bằng 1.750.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu ông K trả là 139.070.000 đồng, trong đó: gốc 121.000.000 đồng, lãi 18.070.000 đồng.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2024 bị đơn **Phạm Thành K** có ý kiến:*

Vào khoảng năm 2022 ông bắt đầu thuê xe cuốc của ông Nguyễn Đại V, thuê nhiều lần, có lần 01 chiếc, có lần 02 chiếc, có lần 03 chiếc, thường ông thuê chiếc xe cuốc 05, duy nhất có 01 lần ông thuê chiếc 03, thời hạn thuê chiếc 03 khoảng 01 tháng thì trả, ngày tháng thuê như thế nào không nhớ rõ.

Ông thừa nhận tính đến ngày 29/9/2023 ông còn nợ tiền thuê xe cuốc của ông V là 121.000.000 đồng, chữ ký tên trong tờ "Hợp đồng thuê xe cuốc" đề ngày 27/8/2022 và tờ "Mướn thuê xe cuốc lần 2" đề ngày 29/9/2023 là chữ ký tên của ông. Ông chỉ ký tên, nội dung do ông V viết, ông không có đọc, ông V kêu ký thì ông ký. Xe cuốc số 03 ông V giữ là xe cuốc của mẹ ông là bà Ngô Thị P, địa chỉ: ấp CV, xã TY, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, chổ ở hiện nay: ấp BM, xã VBB, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, ông V tự lấy,

ông không thế chấp cho ông V. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V thì ông không đồng ý, lý do sau ngày ông ký trong tờ "Mướn thuê xe cuốc lần 2" ông có trả cho ông V 03 lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng, trong đó có 01 lần trả 15.000.000 đồng, 02 lần còn lại mỗi lần trả 20.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại ông V là 66.000.000 đồng.

Việc ông trả tiền cho ông V 03 lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng, ông trả bằng cách chuyển khoản vào số tài khoản của vợ ông V là bà Trương Ngọc L. Ông sẽ sao kê tài khoản ngân hàng cung cấp cho Tòa án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 25/01/2024, nếu ông không cung cấp cho Tòa án sao kê tài khoản ngân hàng thì xem như ông không cung cấp được.

Thuê xe cuốc làm tiền có được ông dùng vào việc sinh hoạt trong gia đình. Vợ ông là Phạm Kiều T có biết việc ông nợ tiền của ông V, nhưng không biết thiếu bao nhiêu.

Đối với chiếc xe cuốc ông V đang giữ, ông không yêu cầu gì, xe của mẹ ông thì mẹ ông quyết định.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Kiều T** có ý kiến:*

Bà là vợ của ông Phạm Thành K, việc ông K thuê xe cuốc của ông Nguyễn Đại V thì bà có biết là ông K có thiếu tiền ông V, nhưng còn thiếu bao nhiêu thì bà không xác định được. Chữ viết và chữ ký trong hợp đồng thuê xe cuốc ngày 27/8/2022, giấy mướn thuê xe cuốc ngày 12/02/2023 âm lịch và giấy thế chấp ngày 29/9/2023 đúng là chữ ký của ông K. Chồng bà là ông K còn thiếu tiền ông V thì bà đồng ý cùng ông K trả nợ cho ông V.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Thị P** có ý kiến:*

Vào khoảng tháng 9/2023 ông Nguyễn Đại V có giữ của bà một chiếc xe cuốc số 03, ông V tự qua lấy. Xe cuốc này bà mua xe củ của người khác nên không có giấy tờ gì. Đối với chiếc xe cuốc ông V đang giữ thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Sau này có yêu cầu bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải trả cho ông số tiền thuê xe cuốc còn thiếu là 121.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu bị đơn ông K trả số tiền lãi là 18.070.000 đồng; đối với chiếc xe cuốc số 03 hiện ông đang quản lý.

- Bị đơn Phạm Thành K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T và bà Ngô Thị P vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đại V số tiền thuê xe cuốc còn thiếu là 121.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đại V đối với bị đơn ông Phạm Thành K số tiền 18.070.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P, nhưng bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,..... đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T, bà Ngô Thị P theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Đại V khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải trả cho ông số tiền thuê xe cuốc còn thiếu. Bị đơn ông Phạm Thành K không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T không có yêu cầu độc lập. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*, đồng thời bị đơn ông Phạm Thành K có nơi cư trú tại ấp BM, xã BM, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đại V với bị đơn ông Phạm Thành K có xác lập hợp đồng thuê tài sản với nhau.

Bị đơn ông Phạm Thành K thừa nhận tính đến ngày 29/9/2023 còn nợ lại nguyên đơn ông Nguyễn Đại V số tiền 121.000.000 đồng, nhưng sau đó có trả cho nguyên đơn ông V 03 lần với số tiền 55.000.000 đồng và hiện chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 66.000.000 đồng.

Tuy nhiên, lời trình bày trên của bị đơn ông Phạm Thành K không được nguyên đơn ông Nguyễn Đại V thừa nhận và bị đơn ông Phạm Thành K cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ để HĐXX xem xét. Vì vậy bị đơn ông Phạm Thành K phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông V chỉ yêu cầu bị đơn ông K trả số tiền nợ gốc là 121.000.000 đồng, xin rút lại phần yêu cầu ông K trả số tiền lãi là 18.070.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V đối với bị đơn ông K theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Phạm Kiều T xác định và thừa nhận, việc thuê xe cuốc giữa chồng bà là ông K với ông V thì bà có biết, đồng thời bà đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông K trong cùng vụ án này. Theo ý kiến của ông K thì số tiền có được từ việc thuê xe cuốc vợ chồng sử dụng chung trong gia đình. Vì

vậy, bà Phạm Kiều T phải cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông Phạm Thành K trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đại V buộc bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đại V số tiền thuê tài sản còn thiếu là 121.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các điều 274, 275, 280, 472, 481 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đại V là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[5] Đối với chiếc xe cuốc 03 hiệu EX-1 của bà Ngô Thị P, hiện nguyên đơn ông Nguyễn Đại V đang quản lý, do các đương sự không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải chịu án phí có giá ngạch là **6.050.000** đồng (121.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 103, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 241, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 274, 275, 280, 472, 481 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đại V số tiền thuê tài sản còn thiếu là **121.000.000đ** (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Đại V, nếu ông Phạm Thành K và bà Phạm Kiều T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho ông V thì hàng tháng ông K, bà T còn phải trả tiền lãi cho ông V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đại V đối với bị đơn ông Phạm Thành K số tiền 18.070.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bị đơn ông Phạm Thành K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kiều T phải chịu **6.050.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đại V **3.476.750** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005261 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/5/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Toà án tỉnh KG;*
*- VKS huyện, tỉnh;*
*- Các Đ/s;*
*- UBND xã BM;*
*- Chi cục THADS huyện;*
*- Lưu (HSVA, VPTA).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Thị Mỹ Linh**